

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/DS-PT

Ngày: 11-7-2022

*V/v “Tranh chấp ranh giới  
giữa các bất động sản  
và bồi thường thiệt hại tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Thọ

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Ngọc Dung

Ông Vương Minh Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:**  
Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc *“Tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản và bồi thường thiệt hại tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/ DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

1.1 Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1955

1.2 Chị Huỳnh Thị Hồng Q, sinh năm 1977

1.3 Anh Huỳnh Văn Q1, sinh năm 1986

1.4 Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: ấp TT, xã TA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

1.5 Chị Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp TP, xã TB, huyện B5 T7, tỉnh Vĩnh Long

1.6 Chị Huỳnh Thị Kim K, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp PA, xã AP, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

1.7 Chị Huỳnh Thị Kim H2, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp PT, xã BP, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

*Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Kim H2, anh Huỳnh Văn Q1 và anh Huỳnh Văn N: chị Huỳnh Thị Hồng Q (văn bản ủy quyền ngày 18/7/2016) (có mặt).*

1.8 Bà Trần Kim X, sinh năm 1964

1.9 Anh Huỳnh Phước T2, sinh năm 1990

1.10 Chị Huỳnh Thị Thùy D, sinh năm 1988

1.11 Chị Huỳnh Thị Thủy T3, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: ấp TT, xã TA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

1.12 Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp ĐT, xã TQ, huyện Vĩnh Liêm, tỉnh Vĩnh Long

1.13 Bà Huỳnh Thị T4, sinh năm 1942; địa chỉ: ấp AH, xã TA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

1.14 Bà Huỳnh Thị X2, sinh năm 1952; địa chỉ: ấp CT, xã CH (nay là khóm X, thị trấn CN), huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

1.15 Ông Huỳnh Văn T5, sinh năm 1946 (chết)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn T5 (Đều có đơn đề nghị vắng mặt):*

15.1 Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1948

15.2 Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1972

15.3 Chị Huỳnh Thị G, sinh năm 1970

15.4 Anh Huỳnh Văn L2, sinh năm 1975

15.5 Anh Huỳnh Văn H3, sinh năm 1984

15.6 Anh Huỳnh Hoàng V1, sinh năm 1986

15.7 Anh Huỳnh Văn L4, sinh năm 1974

15.8 Chị Huỳnh Thị D2, sinh năm 1976

15.9 Chị Huỳnh Thị K2, sinh năm 1980

15.10 Chị Huỳnh Thị C3, sinh năm 1982

15.11 Anh Huỳnh Văn B3, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: ấp TT, xã TA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

*Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn bà Trần Kim X, chị Huỳnh Thị Thủy T3, bà Huỳnh Thị M và bà Huỳnh Thị X2: anh Huỳnh Phước T2 và chị Huỳnh Thị Thùy D (văn bản ủy quyền ngày 18/7/2016) (có mặt).*

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T4 là anh Huỳnh Phước T2 (văn bản ủy quyền ngày 29/5/2020).*

2. Bị đơn: Anh Lê Bá T7, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú ấp TT, xã TA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Lê Bá T8, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp TT, xã TA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 21/6/2016) (có mặt).*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Lê Bá T9, sinh năm 1988

3.2 Chị Trần Thị T10, sinh năm 1980

3.3 Chị Lê Thị Xuân T11, sinh năm 1985

3.4 Ông Bùi Kim B5, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: ấp TT, xã TA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

*Người đại diện hợp pháp của anh Lê Bá T7, Lê Bá T9, chị Trần Thị T10 và chị Lê Thị Xuân T11: Anh Lê Bá T8. (văn bản ủy quyền ngày 21/6/2016; ngày 15/7/2016).*

*Người kháng cáo: Tất cả các nguyên đơn và bị đơn.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ngày 29/01/2016; đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/6/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H, chị Huỳnh Thị Hồng Q, anh Huỳnh Văn Q1, anh Huỳnh Văn N, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Kim H2 trình bày:*

Các đương sự có các thửa đất sau: Thửa đất số 1812 (thửa mới 580), diện tích 680 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 1813 (thửa mới 581), diện tích 9050 m<sup>2</sup> và thửa đất số 1809 (thửa mới 576), diện tích 1930 m<sup>2</sup> loại đất trồng lúa tọa lạc tại ấp TT, xã TA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long do ông Huỳnh Văn Long (chồng bà H chết năm 2012) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/11/1991 có nguồn gốc là do cha mẹ cho, giáp ranh với thửa đất số 596, diện tích 10510 m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa do anh Lê Bá T7 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên phần đất tranh chấp giáp ranh trước đây bà H và ông Long có trồng 05 cây Xoài; 20 bụi Chuối Xiêm và 01 bụi Trâm Bầu, nhưng vào năm 2015 anh T7 đã cho xe cuốc đào hết. Nay nguyên đơn yêu cầu anh T7 trả lại các phần đất tranh chấp tổng diện tích là 460,9 m<sup>2</sup> và yêu cầu bồi thường giá trị 05 cây Xoài là 7.500.000 đồng. Chuối Xiêm và cây Trâm Bầu không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện nguyên đơn yêu cầu công nhận cho các nguyên đơn quyền sử dụng phần đất thuộc rạch công cộng diện tích 580,2 m<sup>2</sup> trong các phần đất tranh chấp giữa các thửa đất số 1812; 1813 và 1809 với thửa đất số 596 và yêu cầu đo đạc lại các thửa đất tranh chấp.

Tại đơn khởi kiện ngày 29/01/2016 cùng các lời khai trong quá T4nh giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Kim X, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D, chị Huỳnh Thị Thủy T3 T4nh bày: Bà X, anh T2, chị D và chị T3 có thửa đất số 1819, diện tích 3030m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp TT, xã TA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, đất do ông Huỳnh Văn Thính đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/11/1991(ông Huỳnh Văn Thính là chồng của bà X, là cha của anh T2, chị D và chị T3, chết năm 2007), có nguồn gốc là do cha mẹ (cụ Huỳnh Văn Cẩu) cho; giáp ranh với thửa đất số 590, diện tích 1270 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm do anh Lê Bá T7 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên phần đất tranh chấp giáp ranh trước đây phía nguyên đơn có trồng 03 cây Dừa (hiện nay vẫn còn) và 08 cây Sơn Tráng nhưng vào năm 2015 anh T7 đã cho xe cuốc đào hết.

Nay bà X, anh T2, chị D và chị T3 yêu cầu anh T7 trả lại phần đất diện tích 110,6 m<sup>2</sup> (theo kết quả đo đạc) và yêu cầu được sở hữu 03 cây Dừa có trên phần đất tranh chấp. Đồng thời, yêu cầu bồi thường 08 cây Sơn Tráng số tiền 4.000.000 đồng và H lợi của 03 cây Dừa là 1.176.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T2 và chị D yêu cầu được sở hữu số tiền 300.000 đồng tiền bán Dừa mà Ban N dân ấp TT tạm giữ năm 2015; yêu cầu bồi thường số tiền H lợi của 03 cây Dừa còn lại là 876.000 đồng và yêu cầu đo đạc lại các

thừa đất tranh chấp.

*Tại đơn khởi kiện ngày 29/01/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T4, ông Huỳnh Văn T5, bà Huỳnh Thị X2, bà Huỳnh Thị M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, chị Huỳnh Thị Hồng Q, anh Huỳnh Văn Q1, anh Huỳnh Văn N, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Kim H2, bà Trần Kim X, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D, chị Huỳnh Thị Thủy T3 trình bày:*

Các nguyên đơn có thửa đất số 582, diện tích 6960 m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa tọa lạc tại ấp TT do cụ Huỳnh Văn Cầu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/11/1991(cụ Cầu chết năm 2004 - là cha của bà T4, ông T5, bà X2, ông Long, bà M, ông Thính và là ông nội của chị Hồng Q, anh Q1, anh N, chị T, chị K, chị H2, anh T2, chị D và chị T3); giáp ranh với thửa đất số 592, diện tích 2870 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm do anh Lê Bá T7 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên phần đất tranh chấp trước đây có trồng 08 cây Dừa (hiện nay vẫn còn); 09 cây Xoài, hiện nay còn 06 cây, tự chết 02 cây và năm 2015 anh T7 đã đốn 01 cây; 12 cây Sơn Tráng nhưng vào năm 2015 anh T7 đã cho xe cuốc đào hết và hàng rào cắm trụ đá kéo kẽm gai.

Nay các nguyên đơn yêu cầu anh T7 trả lại phần đất diện tích 221,4 m<sup>2</sup> (theo kết quả đo đạc) và yêu cầu được sở hữu 08 cây Dừa và 06 cây Xoài có trên phần đất tranh chấp. Đồng thời, yêu cầu tháo dỡ, di dời hàng rào và bồi thường 12 cây Sơn Tráng số tiền 6.000.000 đồng; 01 cây Xoài số tiền 3.500.000 đồng; số tiền H lợi bán Dừa và Xoài do anh T7 làm hàng rào không cho hái trái là 16.220.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T2 và chị D xác định vào khoảng tháng 4/2021 phía anh T7 có đốt chết thêm 05 cây Xoài. Hiện nay chỉ còn 08 cây Dừa và 01 cây Xoài. Do đó, anh T2 và chị D yêu cầu bồi thường 06 cây Xoài theo giá trị đã định giá. Đồng thời, anh T2 và chị D yêu cầu Tòa án công nhận cho các nguyên đơn được quyền sử dụng phần đất thuộc rạch công cộng diện tích 338,1 m<sup>2</sup> trong phần đất tranh chấp giữa thửa đất số 582 với thửa đất số 592 và yêu cầu đo đạc lại các thửa đất tranh chấp.

*Tại các bản tự khai ngày 20/6/2016; ngày 18/7/2016, bị đơn anh Lê Bá T7 trình bày:* Hiện nay anh T7 có các thửa đất số 590, 592 và 596 giáp ranh với các thửa đất số 1819, 582, 1812, 1813 và 1809 của các nguyên đơn là đúng như các nguyên đơn T4nh bày. Nguồn gốc các thửa đất số 590; 592 và 596 anh T7 được cha của anh là ông Lê Bá Tòng tặng cho vào năm 2003. Anh T7 cho rằng nguồn gốc các phần đất tranh chấp trước năm 1991 là do cụ Huỳnh Văn Cầu khai phá,

nhưng năm 1991 thì cha của anh đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và đến năm 2003 thì cha của anh đã cho đất lại anh. Do đó, anh không đồng ý trả đất theo yêu cầu của các nguyên đơn. Về tài sản hiện nay còn trên trên phần đất tranh chấp của các thửa đất số 1812, 1813 và 1809 với thửa 596 không có tài sản gì; trên phần đất tranh chấp của thửa 1819 và 590 là 03 cây Dừa và phần đất tranh chấp của thửa đất số 582 và 592 là 08 cây Dừa; 06 cây Xoài; 01 cây Xoài đã đốn còn gốc cây và hàng rào cắm trụ đá kéo kẽm gai. Anh T7 xác định số cây trên là do phía nguyên đơn trồng, còn hàng rào là do anh làm. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu trả đất của các nguyên đơn thì hàng rào anh tự di dời, không yêu cầu bồi thường. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu trả đất của các nguyên đơn thì anh yêu cầu được sở hữu toàn bộ cây trồng có trên các phần đất tranh chấp và không bồi thường giá trị cây trồng. Đối với việc các nguyên đơn cho rằng vào năm 2015 anh đã đốn 08 cây Sơn Trắng trên thửa đất số 1819; 01 cây Xoài và 12 cây Sơn Trắng trên thửa đất số 582 và 05 cây Xoài trên các thửa đất số 1812; 1813 và 1809 và yêu cầu bồi thường thì anh xác định đối với 01 cây Xoài trên thửa đất số 582 thì có đốn và đồng ý bồi thường, còn 20 cây Sơn Trắng trên các thửa đất 1819 và 582 và 05 cây Xoài trên các thửa đất số 1812; 1813 và 1809 thì anh không có đốn. Do đó, anh không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các nguyên đơn. Đối với việc các nguyên đơn yêu cầu bồi thường tiền H lợi của Dừa và Xoài thì anh cũng không đồng ý bồi thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T8 xác định vào khoảng năm 2015 khi làm bờ bao phía anh có dùng xe cuốc làm chết 05 cây Xoài trên các thửa đất số 1812; 1813 và 1809 và vào khoảng tháng 4/2021 phía anh có đốt cỏ làm chết thêm 05 cây Xoài trên thửa đất số 582 của phía nguyên đơn. Về cây trồng hiện nay trên thửa đất số 1819 còn 03 cây Dừa và trên thửa đất 582 còn 08 cây Dừa và 01 cây Xoài đúng như các nguyên đơn T4nh bày. Đồng thời, anh T8 yêu cầu đo đạc lại thửa đất số 596.

Tại bản tường T4nh ngày 11/9/2020 của ông Bùi Kim B5 trình bày: Vào khoảng tháng 4 năm 2016, Ban N dân ấp TT, xã TA có hòa giải vụ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các nguyên đơn với bị đơn, khi đó ông làm Trưởng ấp và Ban N dân ấp TT có tạm giữ số tiền 300.000 đồng bán Dừa mà hai bên tranh chấp. Nay ông đã nộp lại xong số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại các đơn xin vắng mặt cùng ngày 16/3/2021 của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn T5 là bà Lê Thị Đ, anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Thị G, anh Huỳnh Văn L2, anh Huỳnh Văn H3, anh Huỳnh Hoàng V1, anh Huỳnh Văn L4, chị Huỳnh Thị D2, chị Huỳnh Thị K2, chị Huỳnh

Thị C3 và anh Huỳnh Văn B3 trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông T5, không có yêu cầu gì thêm và xin vắng mặt quá T4nh tố tụng giải quyết vụ án.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/ DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 157, 161, 165, 170, 175, 176, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 170, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 24 và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn gồm bà X, anh T2, chị D và chị T3 về việc yêu cầu bị đơn anh T7 trả lại phần đất diện tích 110,6 m<sup>2</sup>; công nhận anh T7 sở hữu 03 (ba) cây Dừa trên phần đất này thuộc thửa đất số 590 do anh T7 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng anh T7 phải bồi thường giá trị 03 cây dừa cho các nguyên đơn trên B3 870.000đ; công nhận cho các nguyên đơn sở hữu số tiền bán Dừa là 300.000 đồng hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít đang quản lý nhưng không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn này về việc yêu cầu bị đơn anh T7 bồi thường giá trị 08 (tám) cây Sơn Tráng số tiền 4.000.000 đồng và H lợi của 03 cây Dừa số tiền 876.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn gồm bà T4, bà X2, bà M, bà H, bà X, chị Q, anh Q1, anh N, chị T, chị K, chị H2, anh T2, chị D, chị T3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T5 gồm bà Đ, anh T, chị G, anh L2, anh H3, anh V1, anh L4, chị D2, chị K2, chị C3 và anh B3 về việc yêu cầu bị đơn anh T7 trả lại phần đất diện tích 221,4 m<sup>2</sup>; công nhận anh T7 sở hữu 08 (tám) cây Dừa; 01 (một) cây Xoài và hàng rào cắm trụ đá kéo kẽm gai có trên phần đất này thuộc thửa đất số 592 do anh T7 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; buộc anh T7 bồi thường giá trị số cây nêu trên cùng số cây anh đã đốt và đốn gốc cho các nguyên đơn số tiền 3.990.000 đồng nhưng không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn này về việc yêu cầu anh T7 bồi thường giá trị 12 cây Sơn Tráng số tiền 6.000.000 đồng và H lợi của 08 cây Dừa, 06 cây Xoài số tiền 16.220.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn gồm bà H, chị Q, anh Q1, anh N, chị T, chị K và chị H2; công nhận cho các nguyên đơn này quyền sử dụng các phần đất: diện tích 199,3 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1813 (thửa mới 581); diện tích

10,9 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1812 (thửa mới 580); diện tích 250,7 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1809 (thửa mới 576), loại đất trồng lúa tọa lạc tại ấp TT, xã TA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, đất do Huỳnh Văn Long đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc bị đơn anh T7 bồi thường cho các nguyên đơn này giá trị 05 cây Xoài số tiền 7.500.000 đồng.

Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/12/2021, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

Chị X, chị D, chị T3 và anh T2 yêu cầu: Anh T7 phải bồi thường 08 cây Sơn trắng 4.000.000đ; bồi thường H lợi 03 cây dừa B3 1.176.000đ; yêu cầu huỷ 1 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Lê Bá T7 ở thửa 590, phá dỡ hàng rào trả lại 110,6 m<sup>2</sup> đất lấn chiếm, công nhận quyền sở hữu 03 cây dừa trồng trên đất này cho các nguyên đơn.

Bà T4, bà X2, bà M, bà H, bà X, chị Q, anh Q1, anh N, chị T, chị K, chị H2, anh T2, chị D, chị T3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T5 gồm bà Đ, anh T, chị G, anh L2, anh H3, anh V1, anh L4, chị D2, chị K2, chị C3 và anh B3 yêu cầu:

Anh T7 phải bồi thường 01 cây xoài và 12 cây Sơn Trắng đã đốn gốc trị giá 9.500.000đ và H lợi từ cây dừa 3.360.000đ; yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Lê Bá T7 ở thửa 592, phá dỡ hàng rào kẽm gai để trả lại 221,4 m<sup>2</sup> đất lấn chiếm.

Ngoài ra các nguyên đơn nêu trên còn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét công nhận cho các nguyên đơn được quyền sử dụng phần đất 338,1 m<sup>2</sup> thuộc rạch công cộng trong phần đất giữa các thửa đất số 582 với thửa đất số 592 và phần đất 580,2 m<sup>2</sup> thuộc rạch công cộng giữa các thửa đất số 1812; 1813; 1809 với thửa đất số 596.

Ngày 07/12/2021, bị đơn anh Lê Bá T7 kháng cáo yêu cầu:

Không công nhận cho nguyên đơn hưởng số tiền bán dừa 300.000đ; không buộc anh T7 bồi thường giá trị cây trồng và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về các phần đất: diện tích 199,3 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1813 (thửa mới 581); diện tích 10,9 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1812 (thửa mới 580); diện tích 250,7 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1809 (thửa mới 576), loại đất trồng lúa tọa lạc tại ấp TT, xã TA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, đất do Huỳnh Văn Long đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:



Chị X, chị D, chị T3 và anh T2 rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc buộc anh T7 phải bồi thường 08 cây Sơn trắng B3 4.000.000đ; bồi thường H lợi 03 cây dừa B3 1.176.000đ và rút yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Lê Bá T7 ở thửa 590.

Bà T4, bà X2, bà M, bà H, bà X, chị Q, anh Q1, anh N, chị T, chị K, chị H2, anh T2, chị D, chị T3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T5 gồm bà Đ, anh T, chị G, anh L2, anh H3, anh V1, anh L4, chị D2, chị K2, chị C3 và anh B3 rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc buộc anh T7 phải bồi thường 01 cây xoài và 12 cây Sơn Trắng đã đốn gốc trị giá 9.500.000đ và H lợi từ cây dừa 3.360.000đ và rút yêu cầu Huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Lê Bá T7 ở thửa 592 để trả lại 221,4 m<sup>2</sup>.

Các nguyên đơn nêu trên cũng rút yêu cầu công nhận cho các nguyên đơn được quyền sử dụng phần đất 338,1 m<sup>2</sup> thuộc rạch công cộng trong phần đất giữa các thửa đất số 582 với thửa đất số 592 và phần đất 580,2 m<sup>2</sup> thuộc rạch công cộng giữa các thửa đất số 1812; 1813; 1809 với thửa đất số 596.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiền tố tụng và tham gia tố tụng nghiêm chỉnh T9 theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đã rút; không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của đương sự còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị vắng mặt hoặc đã ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ theo quy định tại Điều 228 và 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp “ranh giới giữa các bất động sản và bồi thường thiệt hại tài sản” theo quy định tại Điều 175, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo quy định tại điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D:

[2.1]. Xét kháng cáo của các nguyên đơn nêu trên là có căn cứ chấp nhận

toàn bộ bởi vì:

Cả 2 phần đất của phía nguyên đơn và bị đơn đều có nguồn gốc của gia tộc nguyên đơn, sau này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét cấp theo hiện trạng sử dụng; tuy nhiên theo kết quả đo đạc của cơ quan chuyên môn đã xác định được khi cấp quyền sử dụng cho phía bị đơn đã chồng lấn qua phần đất của các nguyên đơn nêu trên lần lượt là 110,6 m<sup>2</sup> và 221,4 m<sup>2</sup> được chứng minh thực tế phía nguyên đơn đã sử dụng 2 phần đất này ổn định, liên tục, lâu dài; hiện có nhiều cây lâu năm (dừa, xoài) của phía nguyên đơn, phù hợp với lời T4nh bày của những người làm chứng trong hồ sơ nên theo quy định tại các Điều 175 và Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015 phần đất tranh chấp trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các nguyên đơn; do đó cần phải điều chỉnh ranh giới giữa các thửa đất theo hiện trạng sử dụng mà pháp luật quy định. Hàng rào dây kim loại, cột đá do bị đơn tự lập đã xảy ra tranh chấp, cản trở việc sử dụng đất của phía nguyên đơn nên buộc bị đơn phải phá dỡ để trả lại đất cho nguyên đơn; Các nguyên đơn được sở hữu số cây của mình hiện còn trên đất.

[2.2].Xét kháng cáo của bị đơn không có căn cứ bởi vì:

Theo kết luận đo đạc của cơ quan chuyên môn thì phần đất tranh chấp gồm: diện tích 199,3 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1813 (thửa mới 581); diện tích 10,9 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1812 (thửa mới 580); diện tích 250,7 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1809 (thửa mới 576) đều thuộc quyền sử dụng đất của phía nguyên đơn và kết luận này phù hợp hiện trạng nguyên đơn sử dụng mà bị đơn cũng thừa nhận khi làm bờ bao đã dùng xe cuốc làm chết 5 cây xoài của phía nguyên đơn cũng phù hợp với lời T4nh bày của những người làm chứng có trong hồ sơ.

Bị đơn lập luận rằng: thực tế con kênh công cộng nằm giáp đất của nguyên đơn rồi mới tới phần đất tranh chấp nhưng kết quả đo đạc của cơ quan chuyên môn lại vẽ con kênh nằm về bên kia phần đất tranh chấp (không giáp đất nguyên đơn) là không đúng vị trí; lập luận này của bị đơn là không có căn cứ bởi vì khi cơ quan chuyên môn đo đạc thực tế có sự xác định ranh mốc của bị đơn cùng ký tên biên bản; mặt khác; qua xem xét, thẩm định tại chỗ; đối chiếu kết quả đo đạc, cơ quan chuyên môn cũng xác định phần đất tranh chấp có 2 con kênh dọc theo 2 bên: con kênh thể hiện trong trích đo là con kênh công cộng tuy hiện nay đã bị lấp nhưng trên bản đồ tổng thể vẫn còn ghi nhận, còn con kênh mà bị đơn đề cập là do phía nguyên đơn tự đào thuộc phần đất của nguyên đơn nên không cập nhật trên bản đồ và đây là kết quả đo đạc của cơ quan chuyên môn có giá trị pháp lý nên được công nhận.

Bị đơn thừa nhận hành vi đốn gốc và đốt chết 06 cây xoài; dùng xe cuốc

làm chết 5 cây xoài đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn và đã bị cơ quan chức năng lập biên bản vi phạm hành chính nên bản án sơ thẩm buộc bị đơn bồi thường giá trị cho các nguyên đơn và cho nguyên đơn hưởng số tiền H lợi 300.000đ hiện chỉ cục thi hành án tạm giữ là đúng quy định tại các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Lê Bá T7 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng sơ thẩm 16.000.000đ và phúc thẩm 2.000.000đ theo quy định tại các điều 157, 158, 165 và 166 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4]. Về án phí dân sự: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm nhưng án phí sơ thẩm tính lại theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; như sau:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: việc tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản phải chịu loại án phí không có giá ngạch 200.000đ; bị đơn còn phải chịu 5% trên tổng số tiền buộc bồi thường cho nguyên đơn 9.180.000đ B3 số tiền án phí 459.000đ; Các nguyên đơn chỉ phải chịu 5 % trên số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận. Cụ thể:

Các nguyên đơn bà X, anh T2, chị D, chị T3 phải nộp 243.800đ án phí sơ thẩm.

Các nguyên đơn bà X, chị Q, anh Q1, anh N, chị T, chị K, chị H2, anh T2, chị D, chị T3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T5 phải nộp 911.000đ án phí sơ thẩm.

Bà T4, bà X2, bà M và bà H được miễn án phí vì là người cao tuổi.

[2.5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận một phần như nhận định nêu trên.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo mà nguyên đơn bà Trần Kim X, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D, chị Huỳnh Thị Thủy T3 đã rút về việc buộc bị đơn anh Lê Bá T7 bồi thường 08 cây Sơn trắng 4.000.000đ; bồi thường H lợi 03 cây dừa B3 1.176.000đ và yêu cầu huỷ 1 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Lê Bá T7 ở thửa 590 do ông Lê Bá T7

đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo mà nguyên đơn Huỳnh Thị T4, bà Huỳnh Thị X2, bà Huỳnh Thị M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, bà Trần Kim X, chị Huỳnh Thị Hồng Q, anh Huỳnh Văn Q1, anh Huỳnh Văn N, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Kim H2, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D, chị Huỳnh Thị Thủy T3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn T5 là bà Lê Thị Đ, anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Thị G, anh Huỳnh Văn L2, anh Huỳnh Văn H3, anh Huỳnh Hoàng V1, anh Huỳnh Văn L4, chị Huỳnh Thị D2, chị Huỳnh Thị K2, chị Huỳnh Thị C3 và anh Huỳnh Văn B3 đã rút về việc yêu cầu bị đơn Lê Bá T7 bồi thường 01 cây xoài và 12 cây Sơn Tráng đã đốn gốc trị giá 9.500.000đ và H lợi từ cây dừa 3.360.000đ và yêu cầu Huỷ 1 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Lê Bá T7 ở thửa 592.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu của các nguyên đơn nêu trên về việc yêu cầu công nhận cho các nguyên đơn quyền sử dụng phần đất 338,1 m<sup>2</sup> thuộc rạch công cộng giữa các thửa đất số 582 với thửa đất số 592 và phần đất 580,2 m<sup>2</sup> thuộc rạch công cộng giữa các thửa đất số 1812; 1813; 1809 với thửa đất số 596.

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn Trần Kim X, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D, chị Huỳnh Thị Thủy T3; các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H, chị Huỳnh Thị Hồng Q, anh Huỳnh Văn Q1, anh Huỳnh Văn N, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Kim H2; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn T5 gồm: Bà Lê Thị Đ, anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Thị G, anh Huỳnh Văn L2, anh Huỳnh Văn H3, anh Huỳnh Hoàng V1, anh Huỳnh Văn L4, chị Huỳnh Thị D2, chị Huỳnh Thị K2, chị Huỳnh Thị C3, anh Huỳnh Văn B3.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Bá T7.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án N dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 147,157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175, 176, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 170, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 24 và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án; Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trần Kim X, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D, chị Huỳnh Thị Thủy T3; các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H, chị Huỳnh Thị Hồng Q, anh Huỳnh Văn Q1, anh Huỳnh Văn N, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Kim H2; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn T5 gồm: Bà Lê Thị Đ, anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Thị G, anh Huỳnh Văn L2, anh Huỳnh Văn H3, anh Huỳnh Hoàng V1, anh Huỳnh Văn L4, chị Huỳnh Thị D2, chị Huỳnh Thị K2, chị Huỳnh Thị C3, anh Huỳnh Văn B3.

1.1 Công nhận cho các nguyên đơn bà Trần Kim X, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D, chị Huỳnh Thị Thủy T3 quyền sử dụng phần đất diện tích 110,6 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 590 và quyền sở hữu 03 (ba) cây Dừa trên đất; Buộc bị đơn Lê Bá T7 phá dỡ phần hàng rào kẽm gai, trụ đá để giao trả các nguyên đơn phần đất này. Công nhận cho các nguyên đơn được sở hữu tiền bán H lợi 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít đang quản lý, theo biên lai thu tiền số 0003759 ngày 05/11/2020).

1.2. Công nhận cho các nguyên đơn Huỳnh Thị T4, bà Huỳnh Thị X2, bà Huỳnh Thị M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, bà Trần Kim X, chị Huỳnh Thị Hồng Q, anh Huỳnh Văn Q1, anh Huỳnh Văn N, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Kim H2, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D, chị Huỳnh Thị Thủy T3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn T5 là bà Lê Thị Đ, anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Thị G, anh Huỳnh Văn L2, anh Huỳnh Văn H3, anh Huỳnh Hoàng V1, anh Huỳnh Văn L4, chị Huỳnh Thị D2, chị Huỳnh Thị K2, chị Huỳnh Thị C3 và anh Huỳnh Văn B3 quyền sử dụng phần đất diện tích 221,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa 592 và quyền sở hữu 08 (tám) cây Dừa; 01 (một) cây Xoài trên đất. Buộc bị đơn anh Lê Bá T7 phá dỡ hàng rào kẽm gai, trụ đá để giao trả các nguyên đơn nêu trên phần đất này. Buộc anh Lê Bá T7 bồi thường cho các nguyên đơn này giá trị 06 cây xoài B3 1.380.000 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng).

1.3. Công nhận cho các nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H, chị Huỳnh Thị Hồng Q, anh Huỳnh Văn Q1, anh Huỳnh Văn N, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim K và chị Huỳnh Thị Kim H2 quyền sử dụng các phần đất: diện tích 199,3 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1813 (thửa mới 581); diện tích 10,9 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1812 (thửa mới 580); diện tích 250,7 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1809 (thửa mới 576), loại đất trồng lúa tọa lạc tại ấp TT, xã TA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, đất do Huỳnh Văn Long đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc bị đơn anh Nguyễn Bá T7 bồi thường cho các nguyên đơn này giá trị 6 cây xoài B3 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký, kê khai phần đất trên tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất kèm theo bản án.

## 2. Về chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

- Buộc bị đơn anh Lê Bá T7 phải chịu chi phí sơ thẩm 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng chi phí nguyên đơn đã nộp, anh Lê Bá T7 phải nộp hoàn lại cho nguyên đơn bà Trần Kim X, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D và chị Huỳnh Thị Thủy T3 số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng); nộp hoàn lại cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị T4, bà Huỳnh Thị X2, bà Huỳnh Thị M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, bà Trần Kim X, chị Huỳnh Thị Hồng Q, anh Huỳnh Văn Q1, anh Huỳnh Văn N, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Kim H2, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D, chị Huỳnh Thị Thủy T3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn T5 là bà Lê Thị Đ, anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Thị G, anh Huỳnh Văn L2, anh Huỳnh Văn H3, anh Huỳnh Hoàng V1, anh Huỳnh Văn L4, chị Huỳnh Thị D2, chị Huỳnh Thị K2, chị Huỳnh Thị C3 và anh Huỳnh Văn B3 số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và nộp hoàn lại 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị Mỹ H, chị Huỳnh Thị Hồng Q, anh Huỳnh Văn Q1, anh Huỳnh Văn N, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim K và chị Huỳnh Thị Kim H2.

- Anh Lê Bá T7 phải nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) chi phí phúc thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng chi phí, anh T7 đã nộp đủ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền tương ứng nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

## 3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Các nguyên đơn bà Trần Kim X, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D, Huỳnh Thị Thủy T3 phải nộp 243.800đ án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 332.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005098 ngày 03/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, hoàn lại số tiền chênh lệch 99.000đ (Chín mươi chín ngàn đồng).

Các nguyên đơn bà Trần Kim X, chị Huỳnh Thị Hồng Q, anh Huỳnh Văn Q1, anh Huỳnh Văn N, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Kim H2, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D, chị Huỳnh Thị Thủy T3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn T5 là

bà Lê Thị Đ, anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Thị G, anh Huỳnh Văn L2, anh Huỳnh Văn H3, anh Huỳnh Hoàng V1, anh Huỳnh Văn L4, chị Huỳnh Thị D2, chị Huỳnh Thị K2, chị Huỳnh Thị C3 và anh Huỳnh Văn B3 phải nộp số tiền 911.000đ án phí sơ thẩm. nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 466.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005124 ngày 14/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, các đương sự này chỉ phải nộp thêm số tiền chênh lệch 445.000đ (bốn trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Bị đơn anh Lê Bá T7 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 659.000đ (sáu trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Các đương sự Trần Kim X, chị Huỳnh Thị Hồng Q, anh Huỳnh Văn Q1, anh Huỳnh Văn N, chị Huỳnh Thị Kim T, chị Huỳnh Thị Kim K, chị Huỳnh Thị Kim H2, anh Huỳnh Phước T2, chị Huỳnh Thị Thùy D, chị Huỳnh Thị Thủy T3, anh Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Thị G, anh Huỳnh Văn L2, anh Huỳnh Văn H3, anh Huỳnh Hoàng V1, anh Huỳnh Văn L4, chị Huỳnh Thị D2, chị Huỳnh Thị K2, anh Huỳnh Văn B3 và Lê Bá T7 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nên mỗi người được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp lần lượt theo các biên lai thu số 0006837, 0006833, 0006832, 0006831, 0006834, 0006835, 00068360006838, 0006839, 0006840, 0006841, 0006842, 0006843, 0006844, 0006845, 0006846, 0006847, 0006848, 0006849 cùng ngày 09/12/2021 và số 0006825 ngày 07/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Cấp cao;

**TÒA**

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;

- TANDND huyện Mang Thít;

- Chi cục THADS huyện Mang Thít;

- Đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Phạm Trường Thọ**

